Phụ lục 02

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT NĂM 2026 TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH

TT	Xã/phường	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo			Số hộ nghèo			Số hộ cận nghèo		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
1	Phường Phố Hiến	10	0	10	2	0	2	8	0	8
2	Phường Hồng Châu	4	1	3	2	0	2	2	1	1
3	Phường Sơn Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phường Mỹ Hào	4	1	3	1	0	1	3	1	2
5	Phường Thượng Hồng	9	5	4	1	0	1	8	5	3
6	Phường Đường Hào	5	4	1	2	2	0	3	2	1
7	Phường Trần Hưng Đạo	2	1	1	2	1	1	0	0	0
8	Phường Trần Lãm	14	4	10	5	2	3	9	2	7
9	Phường Vũ Phúc	3	1	2	3	1	2	0	0	0
10	Phường Trà Lý	5	3	2	0	0	0	5	3	2
11	Phường Thái Bình	8	8	0	4	4	0	4	4	0
12	Xã Tân Hưng	6	4	2	3	2	1	3	2	1
13	Xã Lạc Đạo	11	7	4	4	4	0	7	3	4
14	Xã Đại Đồng	15	9	6	4	2	2	11	7	4
15	Xã Như Quỳnh	2	2	0	1	1	0	1	1	0
16	Xã Văn Giang	2	1	1	0	0	0	2	1	1

TT	Xã/phường	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo			Số hộ nghèo			Số hộ cận nghèo		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
17	Xã Phụng Công	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Xã Nghĩa Trụ	3	2	1	0	0	0	3	2	1
19	Xã Mễ Sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Xã Nguyễn Văn Linh	1	0	1	0	0	0	1	0	1
21	Xã Hoàn Long	5	2	3	0	0	0	5	2	3
22	Xã Yên Mỹ	11	9	2	2	1	1	9	8	1
23	Xã Việt Yên	1	1	0	0	0	0	1	1	0
24	Xã Ân Thi	3	2	1	2	2	0	1	0	1
25	Xã Phạm Ngũ Lão	2	2	0	1	1	0	1	1	0
26	Xã Xuân Trúc	2	2	0	1	1	0	1	1	0
27	Xã Nguyễn Trãi	2	2	0	2	2	0	0	0	0
28	Xã Hồng Quang	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Xã Khoái Châu	10	4	6	5	2	3	5	2	3
30	Xã Triệu Việt Vương	10	7	3	5	3	2	5	4	1
31	Xã Việt Tiến	10	7	3	4	3	1	6	4	2
32	Xã Châu Ninh	13	6	7	5	3	2	8	3	5
33	Xã Chí Minh	15	7	8	7	4	3	8	3	5
34	Xã Lương Bằng	6	5	1	1	1	0	5	4	1
35	Xã Nghĩa Dân	5	2	3	3	1	2	2	1	1

TT	Xã/phường	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo			Số hộ nghèo			Số hộ cận nghèo		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
36	Xã Đức Hợp	8	4	4	1	0	1	7	4	3
37	Xã Hiệp Cường	2	1	1	0	0	0	2	1	1
38	Xã Hoàng Hoa Thám	4	4	0	2	2	0	2	2	0
39	Xã Tiên Hoa	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Xã Tiên Lữ	6	3	3	0	0	0	6	3	3
41	Xã Quang Hưng	15	6	9	2	1	1	13	5	8
42	Xã Đoàn Đào	5	2	3	1	0	1	4	2	2
43	Xã Tiên Tiến	8	4	4	1	1	0	7	3	4
44	Xã Tống Trân	1	0	1	0	0	0	1	0	1
45	Xã Quỳnh Phụ	35	20	15	20	13	7	15	7	8
46	Xã A Sào	18	9	9	10	5	5	8	4	4
47	Xã Minh Thọ	31	25	6	13	10	3	18	15	3
48	Xã Ngọc Lâm	50	23	27	28	12	16	22	11	11
49	Xã Phụ Dực	32	14	18	17	8	9	15	6	9
50	Xã Đồng Bằng	27	19	8	12	9	3	15	10	5
51	Xã Nguyễn Du	42	26	16	19	13	6	23	13	10
52	Xã Quỳnh An	42	26	16	19	10	9	23	16	7
53	Xã Tân Tiến	11	6	5	6	4	2	5	2	3
54	Xã Hưng Hà	57	26	31	30	13	17	27	13	14

TT	Xã/phường	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo			Số hộ nghèo			Số hộ cận nghèo		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
55	Xã Ngự Thiên	53	35	18	23	16	7	30	19	11
56	Xã Long Hưng	28	19	9	15	9	6	13	10	3
57	Xã Diên Hà	44	25	19	21	10	11	23	15	8
58	Xã Thần Khê	24	11	13	14	6	8	10	5	5
59	Xã Tiên La	22	14	8	11	7	4	11	7	4
60	Xã Lê Quý Đôn	2	2	0	0	0	0	2	2	0
61	Xã Hồng Minh	1	1	0	0	0	0	1	1	0
62	Xã Đông Hưng	17	13	4	13	11	2	4	2	2
63	Xã Bắc Đông Hưng	24	17	7	14	10	4	10	7	3
64	Xã Bắc Tiên Hưng	33	29	4	20	19	1	13	10	3
65	Xã Đông Tiên Hưng	22	14	8	8	5	3	14	9	5
66	Xã Bắc Đông Quan	27	23	4	10	9	1	17	14	3
67	Xã Tiên Hưng	35	31	4	24	23	1	11	8	3
68	Xã Nam Tiên Hưng	26	17	9	10	8	2	16	9	7
69	Xã Nam Đông Hưng	20	17	3	9	7	2	11	10	1
70	Xã Đông Quan	18	4	14	4	0	4	14	4	10
71	Xã Thái Thụy	8	3	5	4	1	3	4	2	2
72	Xã Tây Thụy Anh	3	2	1	2	2	0	1	0	1
73	Xã Bắc Thụy Anh	5	3	2	2	1	1	3	2	1

TT	Xã/phường	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo			Số hộ nghèo			Số hộ cận nghèo		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
74	Xã Đông Thụy Anh	14	12	2	8	7	1	6	5	1
75	Xã Thụy Anh	7	3	4	4	1	3	3	2	1
76	Xã Nam Thụy Anh	13	11	2	8	7	1	5	4	1
77	Xã Bắc Thái Ninh	15	7	8	13	7	6	2	0	2
78	Xã Tây Thái Ninh	9	4	5	5	4	1	4	0	4
79	Xã Thái Ninh	19	10	9	11	6	5	8	4	4
80	Xã Đông Thái Ninh	11	7	4	5	3	2	6	4	2
81	Xã Nam Thái Ninh	11	8	3	7	6	1	4	2	2
82	Xã Tiền Hải	6	5	1	4	3	1	2	2	0
83	Xã Đông Tiền Hải	0	0	0	0	0	0	0	0	0
84	Xã Đồng Châu	4	4	0	4	4	0	0	0	0
85	Xã Ái Quốc	4	2	2	1	1	0	3	1	2
86	Xã Tây Tiền Hải	8	8	0	3	3	0	5	5	0
87	Xã Nam Cường	17	9	8	11	6	5	6	3	3
88	Xã Nam Tiền Hải	48	33	15	26	19	7	22	14	8
89	Xã Hưng Phú	12	7	5	3	1	2	9	6	3
90	Xã Kiến Xương	28	19	9	19	12	7	9	7	2
91	Xã Trà Giang	42	31	11	18	12	6	24	19	5
92	Xã Bình Nguyên	12	7	5	7	4	3	5	3	2

TT	Xã/phường	Số hộ nghèo, hộ cận nghèo			Số hộ nghèo			Số hộ cận nghèo		
		Tổng cộng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa	Tổng	Xây mới	Sửa chữa
93	Xã Lê Lợi	10	7	3	8	6	2	2	1	1
94	Xã Quang Lịch	3	2	1	1	0	1	2	2	0
95	Xã Vũ Quý	9	5	4	3	2	1	6	3	3
96	Xã Hồng Vũ	3	0	3	1	0	1	2	0	2
97	Xã Bình Thanh	26	25	1	16	16	0	10	9	1
98	Xã Bình Định	6	3	3	4	2	2	2	1	1
99	Xã Vũ Thư	8	6	2	5	3	2	3	3	0
100	Xã Vạn Xuân	32	18	14	19	11	8	13	7	6
101	Xã Thư Trì	6	5	1	2	2	0	4	3	1
102	Xã Tân Thuận	7	5	2	4	2	2	3	3	0
103	Xã Thư Vũ	20	11	9	15	9	6	5	2	3
104	Xã Vũ Tiên	14	6	8	8	3	5	6	3	3
TỔNG CỘNG		**1.429**	**889**	**540**	**700**	**450**	**250**	**729**	**439**	**290**